ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 438/QĐ-ĐHQT	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 4 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc xử lý cảnh cáo học vụ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ

Căn cứ Quyết định số 260/2003/QĐ-TTg ngày 05 tháng 12 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Quốc tế thuộc Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 10/2016/TT-BGĐT ngày 05/04/2016 do bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành về Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 261/QĐ-ĐHQG-TCCB ngày 05 tháng 4 năm 2010 của Giám đốc Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các trường đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 867/QĐ-ĐHQG ngày 17 tháng 8 năm 2016 của Giám đốc Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học thành viên và khoa trực thuộc Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐT ngày 16 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng Trường Đại học Quốc tế về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Quốc tế, ĐHQG-HCM;

Căn cứ Quyết định số 719/QĐ-ĐHQT ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Quốc tế về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Quốc tế;

Căn cứ Quyết định số 842/QĐ-ĐHQT ngày 16 tháng 9 năm 2025 của Hiệu trưởng trường Đại học Quốc tế về việc phân công nhiệm vụ của các thành viên Ban Giám hiệu Trường Đại học Quốc tế, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Biên bản số 150/BB-HĐHV ngày 16 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng Học vụ Trường Đại học Quốc tế;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Đào tạo Đại học tại Tờ trình số 183/TTr-ĐTĐH ngày 16 tháng 4 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xử lý cảnh cáo học vụ đối với 168 sinh viên (danh sách đính kèm):

1. 33 sinh viên có điểm trung bình tích lũy dưới 35 điểm.
2. 31 sinh viên có điểm trung bình tích luỹ hai học kỳ liên tiếp dưới 40 điểm.

3. 80 sinh viên có điểm trung bình tích luỹ hai học kỳ liên tiếp dưới 40 điểm và điểm trung bình tích lũy dưới 35 điểm.

4. 24 sinh viên không đóng học phí đúng quy định.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Phòng Đào tạo Đại học, Trưởng các đơn vị có liên quan và sinh viên có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐTĐH.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Đinh Đức Anh Vũ

ĐẠI HỌC QUỐC GIA
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH CẢNH CÁO HỌC VỤ SINH VIÊN VỀ KẾT QUẢ HỌC TẬP

(Kèm theo Quyết định số 438/QĐ-ĐHQT, ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quốc tế)

STT	Mã số sinh viên	Họ lót	Tên	ĐTBTL HK trước	ĐTBTL HK	Lỗi cảnh cáo học vụ
1	BABAWE21530	Lý Xuân	Kiệt	39.0	34.9	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
2	BABAIU22278	Đỗ Ngọc Quỳnh	Trang	8.5	15.6	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
3	BABAWE22344	Vũ Thanh	Bình	4.7	17.6	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
4	BABAWE22364	Hồ Gia	Huy	2.2	31.3	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
5	BABAIU23108	Nguyễn Tuấn	Khanh	25.4	35.4	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40
6	BABAWE23089	Trương Hữu Minh	Quân	35.9	36.1	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40
7	BABAAD24009	Huỳnh Thị Gia	Hưng	51.6	20.6	Điểm trung bình tích lũy < 35
8	BABAAD24035	Nguyễn Ngọc Như	Quỳnh	66.8	26.7	Điểm trung bình tích lũy < 35
9	BABAAD24048	Nguyễn Hoàng	Phúc		0.0	Điểm trung bình tích lũy < 35
10	BABAAU24001	Đinh Viết	Khang		11.3	Điểm trung bình tích lũy < 35
11	BABAIU24147	Lê Tuấn	Minh	30.7	34.7	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
12	BABAIU24148	Hoàng Văn	Minh	53.9	17.3	Điểm trung bình tích lũy < 35

STT	Mã số sinh viên	Họ lót	Tên	ĐTBTL HK trước	ĐTBTL HK	Lỗi cảnh cáo học vụ
13	BABAIU24266	Nguyễn Phương Nhã	Uyên	24.7	28.6	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
14	BABAIU24282	Lê Đăng	Khoa	31.9	36.0	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40
15	BABAIU24284	Mai Phúc	Lợi		28.3	Điểm trung bình tích lũy < 35
16	BABANS24014	Nguyễn Đặng Hồng	Mỹ	33.5	23.2	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
17	BABAUH24022	Phan Nguyễn Nhật	Minh	14.9	30.1	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
18	BABAWE24026	Trần Việt	Anh	18.0	21.3	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
19	BABAWE24029	Đặng Diệu	Châu		29.7	Điểm trung bình tích lũy < 35
20	BABAWE24035	Đỗ Bạch	Dương		32.4	Điểm trung bình tích lũy < 35
21	BABAWE24048	Trần Đình	Khôi		32.4	Điểm trung bình tích lũy < 35
22	BAMKIU24088	Nguyễn Anh	Thụy	54.8	32.8	Điểm trung bình tích lũy < 35
23	BEBEIU21057	Đinh Gia	Hòa	20.1	39.3	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40
24	BEBEIU21165	Nguyễn Vũ	Quỳnh	32.5	34.0	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
25	BEBEIU22233	Đỗ Hoàng	Hà	38.9	35.9	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40
26	BEBEIU24082	Hồ Thái Song	Thương	5.5	13.7	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
27	BTBCIU24037	Nguyễn Ngọc Thủy	Tiên		33.3	Điểm trung bình tích lũy < 35

STT	Mã số sinh viên	Họ lót	Tên	ĐTBTL HK trước	ĐTBTL HK	Lỗi cảnh cáo học vụ
28	BTBCIU24040	Lê Huyền	Trinh	18.4	33.9	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
29	BTBTIU23023	Lê Thái Hồng	Đức	44.1	32.8	Điểm trung bình tích lũy < 35
30	BTBTIU23039	Trần Gia	Khang		3.8	Điểm trung bình tích lũy < 35
31	BTBTIU23089	Hoàng Thị Thanh	Trúc	36.9	39.3	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40
32	BTBTIU23115	Trần Vũ Thanh	Thảo	21.6	26.0	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
33	BTBTIU23150	Nguyễn Lưu Đức	Lâm	39.4	39.1	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40
34	BTBTUN23008	Trần Song	Thư	25.3	22.2	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
35	BTBTWE23008	Nguyễn Mai	Dương	22.6	22.9	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
36	BTBTWE23014	Lý Thanh	Sơn	11.5	19.1	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
37	BTBTIU24102	Nguyễn Hoàng	Thoại	43.6	32.0	Điểm trung bình tích lũy < 35
38	BTFTIU22175	Vũ Ngọc	Cương	39.4	38.1	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40
39	BTFTIU23018	Lê Trần Vũ	Lâm	25.6	35.7	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40
40	BTFTIU23019	Dương Kiều Thảo	Linh	46.3	25.9	Điểm trung bình tích lũy < 35
41	CECEDK24006	Nguyễn Lê Vĩnh	Nguyên	24.1	34.9	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
42	CECEIU24001	Trương Trâm	Anh	7.6	10.4	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35

STT	Mã số sinh viên	Họ lót	Tên	ĐTBTL HK trước	ĐTBTL HK	Lỗi cảnh cáo học vụ
43	CECEIU24002	Trần Nguyễn Gia	Bảo	17.7	26.6	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
44	CECEIU24009	Võ Thiên	Phát	21.3	37.2	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40
45	CECEIU24013	Mai Viên	Thịnh	22.3	32.0	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
46	CECMIU24033	Nguyễn Đức	Trí	25.7	35.9	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40
47	CECMIU24040	Mai Nhật Hoàng	Vũ	17.3	22.7	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
48	CHCEIU23007	Phạm Xuân	Anh	16.7	19.7	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
49	CHCEIU23058	Nguyễn Trung	Hiếu	20.6	30.0	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
50	CHCEIU23066	Lê Bá	Công	39.8	28.3	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
51	CHCEIU24051	Nguyễn Phan Hoàng	Trí	31.0	26.2	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
52	EEACIU21063	Đặng Bá	Thành	10.6	11.2	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
53	EEACIU22179	Ngô Quốc	Duy	27.8	27.8	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
54	EEACIU23019	Ngô Lê	Hà	34.1	34.2	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
55	EEACIU23037	Bùi Nguyễn Bảo	Long		23.6	Điểm trung bình tích lũy < 35
56	EEACIU23059	Phạm Quang	Tiến	33.5	34.3	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
57	EEACIU24014	Nguyễn Hải	Đăng	27.8	26.3	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35

STT	Mã số sinh viên	Họ lót	Tên	ĐTBTL HK trước	ĐTBTL HK	Lỗi cảnh cáo học vụ
58	EEACIU24030	Nguyễn An	Duy	26.5	29.2	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
59	EEACIU24075	Phạm Mẫn	Nam	4.9	6.6	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
60	EEACIU24098	Lưu Võ Tấn	Tài	36.8	26.8	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
61	EEACIU24102	Đỗ Huỳnh Hải	Thạch		34.9	Điểm trung bình tích lũy < 35
62	EEACIU24113	Nguyễn Minh	Thùy	49.4	25.5	Điểm trung bình tích lũy < 35
63	EEACIU24116	Trần Minh	Triết	22.6	28.0	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
64	EEEEIU22069	Trần Thuận	Thành	37.7	36.5	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40
65	EEEEIU22086	Ngô Xuân	Dương	8.8	8.8	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
66	EEEEIU22107	Nguyễn Phúc	Tấn	34.2	37.6	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40
67	EEEEIU23034	Nguyễn Hoàng	Long	22.5	22.5	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
68	EEEEIU24004	Lê Ngô Hoài	Anh	28.4	33.3	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
69	EEEEIU24019	Vũ Lê Minh	Đức	10.8	34.2	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
70	EEEEIU24044	Võ Đăng	Khoa	43.8	27.4	Điểm trung bình tích lũy < 35
71	EEEEIU24046	Nguyễn Trung	Kiên	16.0	18.3	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
72	EEEEIU24080	Phan Huỳnh Đức	Thịnh	49.8	24.8	Điểm trung bình tích lũy < 35

STT	Mã số sinh viên	Họ lót	Tên	ĐTBTL HK trước	ĐTBTL HK	Lỗi cảnh cáo học vụ
73	BAFNIU21618	Lê Hùng	Vĩ	15.2	13.0	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
74	FAFBIU22066	Huỳnh	Hưng	36.2	39.4	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40
75	FAFBIU23086	Nguyễn Tiến	Nam	32.7	37.1	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40
76	FAFBIU23125	Phạm Hoàng	Phúc	35.1	36.7	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40
77	FAECIU23022	Ngô Võ Hoàng	Thy	33.5	34.1	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
78	FAACIU23015	Lê Thị Mai	Linh	30.5	34.5	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
79	FAACIU23067	Cao Phan Tuyết	Nhi	27.4	38.4	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40
80	FAFBIU24014	Nguyễn Lê Vân	Anh	19.4	14.5	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
81	FAFBIU24083	Nguyễn Hiển	Long	13.6	13.6	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
82	FAFBIU24086	Đoàn Trần Phương	Mai	65.7	28.6	Điểm trung bình tích lũy < 35
83	FAFBIU24110	Phạm Thị Kim	Nhung	24.9	36.1	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40
84	FAFBIU24049	Hoàng Trung	Hiếu	50.4	31.0	Điểm trung bình tích lũy < 35
85	ENENWE21448	Võ Thành	Đạt	23.8	21.0	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
86	ENENWE24112	Trần Minh	Trung	6.1	23.3	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
87	IEIEIU21029	Phạm Hoàng	Long	37.5	35.3	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40

STT	Mã số sinh viên	Họ lót	Tên	ĐTBTL HK trước	ĐTBTL HK	Lỗi cảnh cáo học vụ
88	IEIEIU21112	Nguyễn Phan Quốc	Minh	34.9	34.6	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
89	IEIEIU22042	Lê Võ Thanh	Tùng	25.0	38.8	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40
90	IEIEIU22089	Nguyễn Nhật	Long	38.4	29.4	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
91	IEIEIU23012	Huỳnh Lâm	Hưng	24.6	35.5	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40
92	IEIEIU23016	Trần Minh	Khoa	23.9	32.2	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
93	IEIEIU23027	Nguyễn Ngọc	Phước	6.8	20.9	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
94	IEIEIU23036	Nguyễn Ngô Minh	Thư	28.8	26.9	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
95	IEIEIU24006	Trần Thiên	Bảo	23.0	32.2	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
96	IEIEIU24007	Trần Thanh	Bình	29.7	34.3	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
97	IEIEIU24029	Trần Lê	Hoàng	46.2	27.5	Điểm trung bình tích lũy < 35
98	IEIEIU24054	Hồ Lê Minh	Tân		15.3	Điểm trung bình tích lũy < 35
99	IELSIU21164	Lê Minh	Trí	25.9	33.1	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
100	IELSIU22043	Hà Bảo	Kha	19.5	25.1	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
101	IELSIU22300	Nguyễn Trần	Hưng	33.4	35.6	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40
102	IELSIU22354	Hồ Văn	Minh	24.3	38.3	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40

STT	Mã số sinh viên	Họ lót	Tên	ĐTBTL HK trước	ĐTBTL HK	Lỗi cảnh cáo học vụ
103	IELSIU24055	Hồ Thế	Hưng	21.9	31.1	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
104	IELSIU24134	Hàng Gia	Phúc	21.5	15.5	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
105	IELSIU24153	Lương Dương Anh	Tài	33.6	26.9	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
106	ITCSIU24056	Nguyễn Quang	Minh		0.0	Điểm trung bình tích lũy < 35
107	ITDSIU23012	Nguyễn Phan Hải	Lâm	26.3	34.8	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
108	ITITIU21197	Lý Phong	Hào	38.9	37.1	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40
109	ITITIU21236	Lê Nguyễn Hữu	Lộc	3.6	3.6	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
110	ITITIU21258	Lê Quang	Nghiêm	2.0	1.5	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
111	ITITWE21041	Nguyễn Bá	Hưng	26.5	24.3	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
112	ITITWE21076	Nguyễn Xuân	Khoa	32.1	37.4	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40
113	ITITWE21122	Nguyễn Nhật	Quang	37.3	37.8	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40
114	ITITIU22049	Đàm Gia	Hào	39.4	39.2	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40
115	ITITSB22028	Phan Minh	Ẩn	35.1	32.0	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
116	ITITWE22132	Trần Khánh	Duy	31.2	36.5	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40
117	ITITWE22135	Võ Gia	Kiệt	28.4	30.0	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35

STT	Mã số sinh viên	Họ lót	Tên	ĐTBTL HK trước	ĐTBTL HK	Lỗi cảnh cáo học vụ
118	ITITWE22138	Bùi Đình	Doanh	17.0	16.0	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
119	ITITWE22147	Nguyễn Đức	Thắng	31.3	31.3	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
120	ITITDK23006	Nguyễn Vũ Anh	Khoa	35.8	38.4	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40
121	ITITDK23035	Tào Trung	Minh	18.6	14.8	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
122	ITITIU23020	Đào Ngọc	Quý	11.8	11.8	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
123	ITITIU23026	Nguyễn Xuân	Vinh	33.1	32.6	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
124	ITITIU23037	Lê Đình Thanh	Phương	30.2	32.9	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
125	ITITIU24019	Nguyễn Thiện	Hữu		0.0	Điểm trung bình tích lũy < 35
126	ITITIU24030	Nguyễn Hoàng Minh	Khoa	25.0	29.7	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
127	ITITIU24035	Châu Tuyền	Long		23.1	Điểm trung bình tích lũy < 35
128	ITITIU24042	Hà Phước Minh	Nhật	31.2	31.5	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
129	ITITIU24058	Nguyễn Công	Thắng		14.9	Điểm trung bình tích lũy < 35
130	ITITIU24077	Hồ Quốc	Việt	7.2	28.2	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
131	ITITWE24006	Nguyễn Hữu	Đức		26.1	Điểm trung bình tích lũy < 35
132	ITITWE24007	Phạm Thành	Duy		0.0	Điểm trung bình tích lũy < 35

STT	Mã số sinh viên	Họ lót	Tên	ĐTBTL HK trước	ĐTBTL HK	Lỗi cảnh cáo học vụ
133	ITITWE24035	Nguyễn Thành	Công	12.2	15.3	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
134	ITITWE24056	Đặng Châu	Minh	32.4	38.3	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40
135	ITITWE24060	Nguyễn Minh	Nhật	7.6	32.4	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
136	MAMAIU22116	Huỳnh Trọng	Nhân	39.5	39.5	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40
137	MAMAIU23005	Nguyễn Đức	Anh	32.6	28.5	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
138	MAMAIU23011	Hồ Trần Tiến	Đạt	12.9	16.4	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
139	MAMAIU23027	Trần Anh	Khoa	25.6	22.9	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
140	MAMAIU23038	Nguyễn Hoàng	Minh	32.6	6.3	Điểm trung bình tích lũy < 35
141	MAMAIU24019	Nguyễn Lương Gia	Hân	69.4	14.9	Điểm trung bình tích lũy < 35
142	MAMAIU24043	Hà Khánh	Phượng	0.0	21.6	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
143	MASTIU24016	Hà Nguyễn Thu	Phương	84.0	29.9	Điểm trung bình tích lũy < 35
144	SESEIU23014	Võ Thành Nguyên	Giáp	23.1	21.4	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35

ĐẠI HỌC QUỐC GIA
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CẢNH CÁO HỌC VỤ SINH VIÊN NỢ HỌC PHÍ

(Kèm theo Quyết định số 438/QĐ-ĐHQT, ngày 24 tháng 4 năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Đại học Quốc tế)

STT	Mã số sinh viên	Họ lót	Tên	Học phí nợ cũ	Học phí học kỳ	Học phí đã đóng	Học phí còn nợ
1	BABAIU21314	Dương	Đạt	8.615.040	17.400.000	-	26.015.040
2	BABAWE21278	Nguyễn Võ Gia	Linh	-	48.150.000	-	48.150.000
3	BABAWE21456	Lê Hoàng Quỳnh	Anh	900.000	62.000.000	47.000.000	15.900.000
4	BABAAD24009	Huỳnh Thị Gia	Hưng	-	46.475.910	-	46.475.910
5	BABAAD24035	Nguyễn Ngọc Như	Quỳnh	792.290	46.475.910	-	47.268.200
6	BABAIU25079	Nguyễn Ngọc Mai	Khôi	-	25.000.000	-	25.000.000
7	BEBEIU25062	Lê Văn Thuận	Thiên	-	30.000.000	9.000.000	21.000.000
8	BTBTIU21272	Võ Hải	Vân	-	17.400.000	-	17.400.000
9	BTBTUN23008	Trần Song	Thư	-	6.150.000	-	6.150.000
10	BTBTIU25072	Trần Minh	Khôi	-	30.000.000	25.000.000	5.000.000
11	BTFTIU25002	Phan Ngọc Uyên	Trang	-	30.000.000	25.000.000	5.000.000
12	EEACIU22179	Ngô Quốc	Duy	-	11.600.000	-	11.600.000
13	EEEEIU22086	Ngô Xuân	Dương	-	16.229.500	-	16.229.500
14	EEEEIU25025	Lê Xuân	Hoàng	-	30.000.000	-	30.000.000
15	EEEEIU25041	Nguyễn Thành Công	Lý	-	30.000.000	25.000.000	5.000.000
16	BAFNIU21618	Lê Hùng	Vĩ	-	30.450.000	-	30.450.000
17	ENENIU25004	Lê Hoàng Bảo	Đông	-	25.000.000	-	25.000.000
18	IEIEIU25003	Dương Phạm Nhã	An	-	27.500.000	-	27.500.000
19	ITCSIU24056	Nguyễn Quang	Minh	(265.480)	16.700.000	-	16.434.520
20	ITCSIU25018	Trần Ngọc Anh	Huy	-	27.500.000	25.000.000	2.500.000
21	ITITWE21118	Phạm Thái	Quốc	-	50.850.000	-	50.850.000
22	ITITSB22028	Phan Minh	Ẩn	-	29.800.000	-	29.800.000
23	ITITDK25001	Nguyễn Lê	Anh	-	41.150.000	-	41.150.000
24	MAMAIU21106	Nguyễn Đoàn Minh	Thư	-	33.350.000	-	33.350.000